

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. ĐINH MINH DŨNG*

1. Mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020, theo Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 12/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ đề ra mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT) và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011 - 2015 là nhằm tạo bước đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của vùng và cả nước, phấn đấu ngành GDĐT và dạy nghề của vùng đạt các chỉ số phát triển của các ngành học, bậc học trên mức bình quân chung của cả nước vào năm 2020. Trong đó, các chỉ tiêu cụ thể:

- *Giáo dục mầm non*: đến năm 2015, huy động từ 10 - 12% trẻ dưới 3 tuổi đi nhà trẻ; từ 70 - 75% số trẻ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo, trong đó, trên 98% trẻ 5 tuổi học mẫu giáo để chuẩn bị vào lớp 1; 100% số tỉnh, thành phố trong vùng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đến năm 2020, số trường học đạt chuẩn quốc gia là 40%. Các cơ sở giáo dục mầm non đều thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình mới. Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng giáo viên thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- *Giáo dục phổ thông*: đến năm 2015, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đạt tối

thiểu 99% ở tiểu học, 85% ở trung học cơ sở (THCS) và 60% ở trung học phổ thông (THPT), đến năm 2020, tỷ lệ đến trường ở bậc THCS đạt 95 - 97%, bậc THPT đạt 65%; phấn đấu đến năm 2020, nâng tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày lên 40%, học sinh THCS học 2 buổi/ngày lên 25%; số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia là 50%, trường THCS đạt chuẩn quốc gia lên 35%, số trường THPT đạt chuẩn quốc gia lên 25%.

- *Giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số*: đến năm 2015, đối với các huyện có từ 10.000 người dân tộc thiểu số trở lên phải thành lập được trường phổ thông dân tộc nội trú; thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú ở những nơi có điều kiện; phấn đấu có từ 10 - 12% số học sinh dân tộc thiểu số trong tổng số học sinh dân tộc đang học ở giáo dục trung học được học nội trú.

- *Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp*: tăng quy mô tuyển sinh hàng năm từ 10 - 12%; huy động khoảng từ 10 - 15% số học sinh tốt nghiệp THCS vào học trung cấp chuyên nghiệp.

- *Dạy nghề*: đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 40%, bình quân đào tạo 445.000 lượt người/năm; toàn vùng có 22 trường cao đẳng nghề, 35 trường trung cấp nghề và mỗi quận/huyện có ít nhất một trung tâm dạy nghề hoặc

* UBND huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

trường trung cấp nghề. Tăng quy mô tuyển sinh hàng năm lên 12%, nâng cao chất lượng cung ứng nguồn nhân lực nghề của các ngành kinh tế - xã hội; giáo dục nghề nghiệp được tiếp tục phát triển để năm 2020 có đủ khả năng tiếp nhận 25% số học sinh tốt nghiệp THCS vào học nghề và có thể liên thông học tiếp ở trình độ cao hơn.

- *Giáo dục đại học*: đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đến năm 2015, bình quân đạt 190 sinh viên/1 vạn dân; đảm bảo cơ cấu hợp lý theo các ngành kinh tế - xã hội có thế mạnh của vùng. Đến năm 2020, đạt tỷ lệ 250 sinh viên trên một vạn dân và tỷ lệ sinh viên trên dân số trong độ tuổi (18 - 24 tuổi) là 25%.

- *Giáo dục thường xuyên*: ở các huyện đều có trung tâm giáo dục thường xuyên; mỗi tỉnh, thành phố có một trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; 100% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả.

2. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước ở cấp huyện đối với GDĐT

Để đạt được các mục tiêu đề ra nhất là đối với công tác GDĐT, đòi hỏi cấp huyện phải làm tốt các nhóm giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước (QLNN) về giáo dục trên địa bàn cấp huyện vùng ĐBSCL.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật làm chuyển biến nhận thức cho cán bộ, công chức (CBCC), giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) và nhân dân thông hiểu chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về GDĐT. Điều chỉnh kế hoạch năm học và nhân rộng mô hình “nhóm trẻ cộng đồng”, “nhóm trẻ liên gia” đối với vùng thường xuyên bị lũ để đảm bảo an toàn tính mạng cho người học (nhất là đối với trẻ ở nhà trẻ và mẫu giáo), đối với vùng lũ ĐBSCL (vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên).

Phát huy vai trò của hội cha mẹ học

sinh, nơi đại diện cho gia đình học sinh nhằm giữ mối liên lạc thường xuyên giữa nhà trường và gia đình.

Đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thi đua dạy tốt học tốt, cần xem xét điều chỉnh một số quy định về trình tự thủ tục xét thi đua, khen thưởng.

Xây dựng cơ chế, chính sách về giáo dục trẻ khuyết tật để quản lý và phát triển hệ thống giáo dục trẻ khuyết tật. Giải pháp này trước hết phải xuất phát từ một cơ chế đặc thù cho người học, gia đình và trách nhiệm xã hội, cơ chế, chính sách về giáo dục trẻ khuyết tật phải đảm bảo cho việc xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống giáo dục trẻ khuyết tật trên phạm vi toàn quốc, tránh tình trạng nơi nào huy động nhà tài trợ (TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long...) thì có mô hình, nơi nào không có điều kiện, không có mô hình thì quyền và lợi ích của trẻ khuyết tật không được thực hiện.

Đẩy mạnh thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non, củng cố kết quả phổ cập tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xoá mù chữ cho người lớn. Đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

Đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS. Các ngành, các cấp tích cực phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về nâng cao chất lượng giáo dục dạy nghề, xây dựng trường, lớp học bảo đảm đủ điều kiện về cơ sở vật chất để tiếp nhận học sinh sau khi phân luồng... Chính phủ cần có chính sách khuyến khích cho người học đi vào luồng giáo dục nghề nghiệp, thể hiện ở chế độ tuyển sinh, chế độ học bổng

và học phí. Cần có chương trình cụ thể để phát triển nghề nghiệp, quy hoạch xây dựng trường học, lập ban chỉ đạo hướng nghiệp phân luồng học sinh ở các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá công tác phổ cập giáo dục, nhất là một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GDĐT nghề.

Hai là, hoàn thiện tổ chức bộ máy QLNN về giáo dục ở cấp huyện vùng ĐBSCL.

Cần xem xét sửa đổi Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ theo hướng tăng số lượng thành viên UBND đối với 76 huyện thuộc vùng ĐBSCL có dân số dưới 150.000 người từ 7 thành viên lên 9 thành viên UBND, bởi vì, điều kiện hạ tầng kỹ thuật ở ĐBSCL rất khó khăn, mật độ dân trí thấp và thực tế cho dù dân số dưới 150.000 người, nhưng chức năng, nhiệm vụ bộ máy phải đảm nhận hoàn toàn như những huyện có trên 150.000 người.

Hoàn thiện trình tự, thủ tục ban hành văn bản QLNN, đảm bảo đúng thể thức, nội dung không trái pháp luật, văn bản ban hành phải sát thực tế, có tính khả thi cao.

Trong tổ chức thực hiện, cần kết hợp các phương pháp quản lý một cách linh hoạt, hài hoà, tăng cường giáo dục, thuyết phục để mọi công dân tự giác thực hiện. Cần đẩy mạnh tuyên truyền và khắc phục tình trạng kém về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Phân bổ lại số lượng CBCC các cơ quan chuyên môn theo hướng tăng CBCC cho phòng GDĐT - đơn vị đặc thù quản lý số lượng cơ sở giáo dục và viên chức lớn - tương xứng với chức năng nhiệm vụ được phân cấp trên địa bàn cấp huyện. Đổi mới hình thức hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, từng bước xây dựng chính phủ điện tử.

Ba là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực QLNN về giáo dục.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại đội ngũ

CBCC cấp huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu QLNN về giáo dục. Chính phủ cần tiếp tục có chính sách tinh giản biên chế nhằm đưa ra khỏi bộ máy những CBCC không đạt chuẩn về sức khoẻ, tuổi, năng lực yếu kém. Các địa phương cần xem xét lại phương pháp đánh giá CBCC cuối năm, chống chủ nghĩa hình thức, nể nang.

Tuyển dụng mới phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn, ngay từ đầu tránh tình trạng tuyển dụng rồi đưa đi đào tạo. Tiếp tục thí điểm đưa sinh viên mới ra trường về làm phó chủ tịch UBND xã các huyện vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc nhằm tạo nguồn cán bộ trẻ kế thừa.

Khắc phục tình trạng đội ngũ nhà giáo vừa thừa, vừa thiếu cục bộ, vừa không đồng bộ về cơ cấu chuyên môn. Đối với tỉnh, cần có chính sách trợ cấp đặc thù cho giáo viên vùng sâu, vùng xa như: xây dựng nhà công vụ cho giáo viên các nơi khó khăn hoặc bán nền nhà cho giáo viên có định hướng phục vụ lâu dài. Có chính sách khuyến khích giáo viên dạy các môn chuyên biệt như ngoại ngữ, âm nhạc, mỹ thuật theo hướng tăng trợ cấp. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách đối với giáo viên. Nâng cao chất lượng đào tạo các trường sư phạm, đảm bảo giáo viên mới ra trường đủ kiến thức giảng dạy, đạt chuẩn đạo đức nhà giáo.

Bộ GDĐT cần tăng cường thanh tra chất lượng đào tạo một số cơ sở đào tạo thấp, nhất là một số loại hình đào tạo tại chức, đào tạo từ xa mở ra tràn lan, thiếu kiểm soát chất lượng đầu vào - đầu ra. Cần tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, CBQLGD, nhân viên trên ba lĩnh vực: phẩm chất chính trị, tư tưởng đạo đức, kiến thức và kỹ năng sư phạm: thường xuyên quan tâm công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức nhà giáo cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên.

Bốn là, tăng cường QLNN về tài chính đối với giáo dục.

Chính phủ cần hoàn thiện chế độ trợ cấp, phụ cấp để đảm bảo công bằng hợp lý, nhất là chế độ phụ cấp theo nghề (thâm niên, ưu đãi, trách nhiệm theo nghề, công vụ). Trước mắt, Chính phủ cần xem xét điều chỉnh, sửa đổi Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ theo hướng đảm bảo công bằng hơn về phụ cấp và trong tương lai, chuyển phụ cấp vào lương để đảm bảo lợi ích lâu dài. Điều chỉnh mức lương tối thiểu theo hướng đảm bảo nhu cầu tối thiểu của người lao động.

Tiếp tục hoàn thiện các chế độ, chính sách, góp phần phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ dụng cụ học tập đối với học sinh theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn cấp huyện.

Chính phủ cần ban hành chính sách phát triển “nhóm trẻ cộng đồng” “nhóm trẻ liên gia” và cơ chế tài chính thống nhất cho các địa phương thực hiện, tránh tình trạng cách làm mỗi nơi mỗi khác nhau như hiện nay. Cần ban hành chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú (ngoài quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP) nhằm tạo điều kiện cho con em người dân tộc thiểu số đến trường. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn cấp huyện. Tăng cường xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục.

Năm là, tăng cường QLNN về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về giáo dục và phòng,

chống học sinh bỏ học trên địa bàn cấp huyện vùng ĐBSCL.

Xây dựng kế hoạch liên tịch giữa Thanh tra Nhà nước và Sở GDĐT về công tác phòng, chống học sinh bỏ học. Đánh giá kết quả thanh tra và kiến nghị xử lý. Tăng cường thanh tra chuyên ngành (thanh tra chuyên ngành cấp tỉnh) một số lĩnh vực chuyên môn. Phối hợp thành lập các đoàn kiểm tra chéo giữa các huyện, các phòng GDĐT. Thực hiện tốt thanh tra đột xuất, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thanh tra Nhà nước và các đoàn thanh tra liên ngành. Chính phủ cần xem xét bổ sung chức danh biên chế thanh tra chuyên ngành tại phòng GDĐT.

Đối với cấp huyện, công tác thanh tra, kiểm tra chéo do Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch, điều động cán bộ quản lý của các trường cùng tham gia tổ chức thực hiện. Cần đẩy mạnh công tác thanh tra, chống bỏ học, thường xuyên sơ kết đánh giá hàng năm, kịp thời khen thưởng tập thể và cá nhân làm tốt nhiệm vụ chống bỏ học. Bởi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị mà trong đó, vai trò của ngành GDĐT là nòng cốt. Nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt là không để học sinh bỏ học. Để giải quyết một cách cơ bản tình trạng học sinh bỏ học ở khu vực ĐBSCL, cần phải có một hệ thống các giải pháp mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế và mang lại hiệu quả cao.

Các giải pháp trên khi triển khai thực hiện sẽ có tác động đồng bộ đến vai trò của chính quyền cấp huyện vùng ĐBSCL trong QLNN về giáo dục trên địa bàn với năm thành tố: thể chế, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính công và thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của hoạt động GDĐT cùng với sự phát triển chung về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, có thể có một số thay đổi hoặc điều chỉnh về các chủ trương, quy định của ngành cho phù hợp với thực tế □